

Bản án số: 137/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 7 – 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Ngọc Đ, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú: Ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Đồng Ngọc Đ trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2017, đến năm 2022 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không được bao lâu vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm lo cuộc sống cho gia đình, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân nhau. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh V được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Đ xác định chị và anh V có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Khánh B sinh ngày 25/9/2020, hiện đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn V nhưng anh V không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ với anh V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đồng Ngọc Đ với anh Nguyễn Văn V được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh V thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm lo cuộc sống cho gia đình, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân nhau. Tại phiên tòa chị Đ xác định không còn tình cảm với anh V và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh V được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh V; đối với anh Nguyễn Văn V, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị Đ nhưng anh V không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Đ, điều này cho thấy anh V đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị Đ với anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Khánh B sinh ngày 25/9/2020. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B; đối với anh V không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh V và chị Đ ly thân cho đến nay cháu B do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và hiện tại cháu B chưa tròn 36 tháng tuổi. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu B cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng cho con chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải

quyết; đối với anh V không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đồng Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Ngọc Đ. Cho chị Đồng Ngọc Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh B sinh ngày 25/9/2020 cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đồng Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003416 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tiêu Hồng Phượng